

Số: 03/2025/QĐST- HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Xuân Đạt

Thư ký phiên họp: Bà Mông Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 về yêu cầu “*Hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân*” theo Quyết định mở phiên họp số 18/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu:* Anh Lý Văn V, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang(cũ) nay là Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1992, (vắng mặt).

+ Cháu Lý Hoàng V1, sinh ngày 17/5/2011,(vắng mặt).

+ Cháu Lý Hải V2, sinh ngày 08/9/2016,(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang(cũ) nay là Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang.

+ UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ) nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Vũ Văn K – Chánh văn phòng UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ngày 11 tháng 8 năm 2025 của người yêu cầu anh Lý Văn V và những tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi

cho theo phong tục tập quán. Anh V và chị D có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ) nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn (GCNKH) số 12 ngày 27/01/2011 thể hiện anh Lý Văn V sinh ngày 05/09/1989; chị Hoàng Thị D sinh ngày 22/01/1992. Theo căn cước công dân của anh V và chị D thể hiện anh là Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992, có căn cước công dân số 002092010860 do Cục Cảnh sát về TTXH Công an cấp ngày 09/05/2021 và vợ anh là Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992, có căn cước công dân số 002192006132 do Cục Cảnh sát về TTXH Công an cấp ngày 09/05/2021. Để đảm bảo thống nhất và đúng với quy định của pháp luật về điều kiện đăng ký kết hôn nên anh V yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh với chị Hoàng Thị D đã được UBND xã P, huyện V vào sổ đăng ký kết hôn số 12 ngày 27/01/2011 khi anh Lý Văn V được 18 tuổi 04 tháng 22 ngày, còn chị D được 19 tuổi 05 ngày và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Về con chung: Anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D có 02 con chung là cháu Lý Hoàng V1, sinh ngày 17/5/2011 và Lý Hải V2, sinh ngày 08/09/2016. Tại giấy khai sinh của cháu V1 và cháu V2 thể hiện tên bố là Lý Văn V, tên mẹ là Hoàng Thị D. Anh V đề nghị Tòa án xem xét công nhận anh V và chị D là bố mẹ đẻ của cháu V1 và cháu V2 theo đúng tên tuổi, ngày tháng năm sinh chính xác hiện tại của vợ chồng anh là Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992 và Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến của chị Hoàng Thị D thể hiện:

Chị và anh Lý Văn V kết hôn trên tinh thần tự nguyện và cùng nhau đi đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 27/01/2011 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang. Tại thời điểm chị và anh V đi đăng ký kết hôn đối chiếu với quy định của pháp luật và căn cước công dân của anh V và chị D và các giấy tờ khác có liên quan đều được khai thống nhất tên anh là Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992; có căn cước công dân số 002092010860 do Cục Cảnh sát về TTXH Công an cấp ngày 09/05/2021 và vợ anh là Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992; có số căn cước công dân: 002192006132 do Cục Cảnh sát về TTXH Công an cấp ngày 09/05/2021 thì anh V và chị D mới được 18 tuổi.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh V, chị D vẫn sống tình cảm không có mâu thuẫn gì, nhưng để đảm bảo về điều kiện đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nay anh Lý Văn V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D, theo đăng ký kết hôn số 12 ngày 27/01/2011 tại UBND xã P, huyện V nay UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Chị D hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị Hoàng Thị D xác nhận chị và anh Lý Văn V có 02 con chung là cháu Lý Hoàng V1, sinh ngày 17/5/2011 và Lý Hải V2, sinh ngày 08/09/2016. Tại giấy khai sinh của cháu V1 và cháu V2 thể hiện tên bố là Lý Văn V, tên mẹ là Hoàng Thị D. Chị D nhất trí với ý kiến của anh V đề nghị Tòa án xem xét công nhận anh V và chị D là bố mẹ của cháu V1 và cháu V2 theo đúng tên tuổi, ngày tháng năm sinh chính xác hiện tại của vợ chồng anh là Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992 và Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 22/9/2025 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang có trình bày: Ngày 27/01/2011 UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1989 và chị Hoàng Thị D, sinh ngày 21/01/1992. Căn cứ vào việc kê khai thông tin của anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D nên địa phương đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh V và chị D vào ngày 27/01/2011 đã được thể hiện tại sổ đăng ký kết hôn số 12, quyển số 01/2011. Nay anh Lý Văn V yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D đã được UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn ngày 27/01/2011 và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. UBND xã P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/9/2025 anh Lý Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân cho anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/9/2025 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị D và đại diện UBND xã P vẫn giữ nguyên ý kiến như văn bản đã cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc hôn nhân gia đình về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 9 Luật HNGĐ 2000; Điều 88, Điều 101; Điều 102; khoản 1 Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 149, Điều 370; Điều 371, Điều 372 BLTTDS; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm khoản 1 Điều 37 Nghị

quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang:

- Hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật đã được UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/01/2011 cho anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D do vi phạm về độ tuổi khi đăng ký kết hôn.

- Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lý Văn V, sinh ngày 05/9/1992 và chị Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992 kể từ thời điểm anh Lý Văn V đủ tuổi kết hôn, tức kể từ ngày 05/9/2012.

- Xác định anh Lý Văn V, sinh ngày 05/9/1992 và chị Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992 là cha, mẹ ruột của cháu Lý Hoàng V1, sinh ngày 17/5/2011 và cháu Lý Hải V2, sinh ngày 08/9/2016.

- Về lệ phí: Anh Lý Văn V phải chịu lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh V đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D hiện cư trú tại thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang và việc đăng ký kết hôn của anh chị được thực hiện tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang nên căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu là anh Lý Văn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị D và UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang có lý do (*có đơn xin vắng mặt tại phiên họp*). Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[3] Về nội dung yêu cầu: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

[3.1] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh Lý Văn V kết hôn với chị Hoàng Thị D vào ngày 27 tháng 01 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và đã được U, huyện V, tỉnh Hà Giang nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 vào ngày 27/01/2011. Căn cứ căn cước công dân số 002092010860 do Cục Cảnh sát về TTXH Công an cấp ngày 09/05/2021 cấp cho anh Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992 và căn cước công dân số 002192006132 do Cục Cảnh sát về TTXH

Công an cấp ngày 09/05/2021 cấp cho chị Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992 và các giấy tờ chứng minh nhân thân khác.

Xét thấy: Thời điểm anh V, chị D thực hiện đăng ký kết hôn ngày 27/01/2011 thì anh V 18 tuổi 04 tháng 22 ngày, còn chị D được 19 tuổi 05 ngày đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 về điều kiện kết hôn “*Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên*”. Do có sự thiếu sót trong việc kiểm tra lại thông tin nên Ủy ban nhân dân xã P đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D khi anh V chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

[3.2] Hiện toàn giấy tờ tùy thân là căn cước công dân và giấy tờ chứng minh nhân thân của anh V, chị D cung cấp thống nhất tên là Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992 và Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992 có quan hệ vợ chồng. Xác minh tại UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang đã có văn bản xác nhận nội dung sự việc trên. Do vậy, yêu cầu của anh V và chị D về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/01/2011 là có căn cứ được chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật: Sau khi kết hôn anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn và đã có 02 con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật anh V, chị D đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh V, chị D cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định. Xét yêu cầu của anh V, chị D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992 và chị Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992 kể từ thời điểm anh Lý Văn V “*..từ đủ 20 tuổi*” và chị Hoàng Thị D “*..từ đủ 18 tuổi*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tức là kể từ ngày **05/09/2012**.

[4] Về con chung: Anh V và chị D cùng xác nhận anh chị có 02 con chung là các cháu Lý Hoàng V1, sinh ngày 17/5/2011 và Lý Hải V2, sinh ngày 08/09/2016. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/01/2011 do UBND xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang cấp cho hai anh chị nên khai sinh của cả hai con chung đều thể hiện tên mẹ đẻ là Hoàng Thị D và tên bố đẻ là Lý Văn V. Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/01/2011 do UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang cấp cho anh V, chị D bị hủy nên yêu cầu về thay đổi hộ tịch cho các con chung của anh chị là có căn cứ để chấp nhận. Anh V, chị D được quyền yêu cầu cơ quan hộ tịch có thẩm quyền thay đổi

hộ tịch tại giấy khai sinh số 69 ngày 26/05/2011 mang tên Lý Hoàng V1; giấy khai sinh số 243 ngày 23/09/2016 mang tên Lý Hải V2.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Anh Lý Văn V phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

[7] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, 367, 369, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; **Điều 3, 4, 6, 7, 26, 27 và Điều 30 Luật Hộ tịch**; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Lý Văn V: Hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật số 12 ngày 27/01/2011 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang cấp cho anh Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1989 và chị Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lý Văn V, sinh ngày 05/09/1992 và chị Hoàng Thị D, sinh ngày 22/01/1992 kể từ thời điểm anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D đủ tuổi kết hôn, kể từ ngày 05/09/2012.

3. Chấp nhận yêu cầu của anh Lý Văn V và chị Hoàng Thị D: Công nhận anh V, chị D có 02 con chung là Lý Hoàng V1, sinh ngày 17/5/2011 và Lý Hải V2, sinh ngày 08/09/2016. **Anh V, chị D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang thay đổi hộ tịch cho các con chung tại các giấy khai sinh số 69 ngày 26/05/2011 mang tên Lý Hoàng V1; giấy khai sinh số 243 ngày 23/09/2016 mang tên Lý Hải V2.**

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Anh Lý Văn V phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí anh Lý Văn V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0000364 ngày 15/08/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Lý Văn V đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí.

5. Anh Lý Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã P;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Xuân Đạt